

CÁC TỔ CHỨC PHẬT GIÁO TRONG PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRƯỚC NĂM 1945

Tóm tắt: Thời gian gần đây, nghiên cứu về phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam đã và đang đạt được nhiều kết quả. Đặc biệt, khi bàn về quá trình vận động cũng như sự ra đời của phong trào này, các tác giả Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Đại Đông, Lê Tâm Đắc,... đã khảo cứu và đề cập qua các công trình và bài viết tiêu biểu như: “Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX”, “Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924 - 1954)”, “Sự Tâm Lai và việc vận động chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam đầu thế kỷ XX”, “Những người đầu tiên khởi xướng phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam”... Trên cơ sở tiếp cận nguồn tư liệu từ các nghiên cứu đi trước, bài viết tiếp tục phân tích và trình bày quá trình hình thành các tổ chức Phật giáo ở Việt Nam trước năm 1945. Qua đó, góp phần làm sáng tỏ thêm những bước đi của phong trào chấn hưng Phật giáo diễn ra ở Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX.

Từ khóa: Chấn hưng, Phật giáo, tổ chức, Việt Nam, trước 1945.

1. Khái quát quá trình vận động chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX

Bước sang những năm đầu thế kỷ XX, Phật giáo Việt Nam bộc lộ nhu cầu cấp thiết canh tân, đổi mới. Do đó, nhiều trí thức, người mến mộ Phật giáo đã cùng các tăng ni, Phật tử đứng ra vận động chấn hưng trên khắp cả nước.

Ý tưởng về việc chấn hưng Phật giáo xuất hiện đầu tiên vào năm 1923, nhân ngày giỗ tổ tại chùa Long Hòa (Trà Vinh), Hòa thượng Khánh Hòa đã vận động tất cả các vị tôn túc khắp miền Tiền Giang và Hậu Giang về dự lễ, đồng thời họp bàn về vấn đề chấn hưng Phật giáo. Kết quả là chư vị hòa thượng có mặt trong buổi lễ như Huệ Quang, Chí Thiên, Trí Thiên, Từ Phong, Chánh Quả, An Lạc, Huệ Định, Diệu

* Thạc sĩ, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng.

Pháp,... dự định cùng nhau thành lập nên tổ chức Lục Hòa Liên Hiệp để từ đó tiến tới thành lập một hội Phật giáo toàn quốc. Tuy vậy, Hòa thượng Khánh Hòa “vẫn không thành lập được hội này dù ông đã đi mòn gót từ tổ đình này tới tổ đình khác”¹. Năm 1926, Cư sĩ Huỳnh Thái Cửu đã mời một số vị hòa thượng đến nhà mình tại Trà Vinh dự lễ Trai tăng, Báo hiếu sau mùa an cư. Qua bài tác bạch, ông khái quát hiện tượng chư tăng suy đồi đạo đức và đề nghị thành lập hội Phật giáo để khởi xướng phong trào nghiên cứu giáo lý, chấn chỉnh Tăng già. Cũng trong thời gian này, Hòa thượng Khánh Hòa tích cực kêu gọi Phật tử chấn hưng Phật giáo thông qua chương trình gồm 4 điểm: “Lập hội Phật giáo; Thỉnh ba tạng kinh điển dịch ra chữ Quốc ngữ; Lập trường Phật học để đào tạo tăng tài và xuất bản tạp chí phổ biến giáo lý; Kêu gọi tăng đồ thức tỉnh, chấn hưng quy củ thiền môn”².

Ngày 05/01/1927, nhà báo Nguyễn Mục Tiên trong bài viết “Nên chấn hưng Phật giáo ở nước nhà” đăng trên *Đông Pháp thời báo*, số 529, đã đề nghị các nhà trí thức trong nước, nhất là những gia đình có nhiều thế hệ sùng bái đạo Phật mở cuộc điều tra về tình hình tôn giáo ở Việt Nam và góp sức văn hồi lý tưởng³. Cùng chung hoài bão chấn hưng Phật giáo, Hòa thượng Thiện Chiếu trong bài viết “Cái vấn đề chấn hưng Phật giáo ở nước nhà” đăng trên *Đông Pháp thời báo*, số 532, ngày 14/01/1927 đã chỉ ra những nguyên nhân cơ bản làm cho Phật giáo Việt Nam suy vi là: “Tăng giới không chịu chuyên tâm về đường học vấn... Phật lý không rõ rệt, nên những kẻ tại gia tín ngưỡng phần nhiều là mê tín, chỉ biết đốt hương cầu khẩn Phật”⁴. Nhằm cụ thể hóa lời kêu gọi của Nguyễn Mục Tiên, Hòa thượng Thiện Chiếu đã đề xuất công việc chấn hưng Phật giáo bắt đầu từ việc thành lập Phật học báo quán để truyền bá giáo lý nhà Phật, xây dựng Phật học đường nhằm đào tạo tăng tài phục vụ cho hoạt động hoằng dương Phật pháp và Việt hóa kinh điển Phật giáo phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, tu tập.

Ở Miền Bắc, Hòa thượng Tâm Lai trụ trì chùa Tiên Lữ (Thái Nguyên) cũng kêu gọi chấn hưng Đạo pháp. Chương trình chấn hưng ban đầu được Hòa thượng xây dựng tập trung vào ba điểm chính: “Lập đàn giảng trong các chùa; Mở trường Sơ học Yếu lược và trường Sơ đẳng Tiểu học bên cạnh các chùa; Lập nhà nuôi kẻ khó và nhà bảo cô bên cạnh các chùa”⁵. Sau khi tiếp cận các ý tưởng chấn hưng Phật giáo ở trong Nam, nhất là qua bài viết của Hòa thượng Thiện Chiếu (Cái vấn đề chấn hưng

Phật giáo nước nhà), sư Tâm Lai đã cụ thể hóa chương trình chấn hưng nêu trên thành 5 điểm và bổ sung thêm 2 điểm mới là lập thư viện và lập nhà thuốc trong các chùa⁶. Cũng vào thời điểm này, Hòa thượng Trí Hải đã vận động các tăng sĩ trẻ tuổi thành lập tổ chức Lục Hòa Tịnh Lữ nhằm tu tập theo 6 phép hòa thuận của Đức Phật (Thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tránh, ý hòa đồng duyệt, giới hòa đồng tu, kiến hòa đồng giải).

Năm 1928, các hòa thượng Khánh Hòa, Huệ Quang, Liên Trì, Thiện Niệm đến chùa Linh Sơn cùng sư Thiện Chiếu và một số Phật tử trẻ tuổi khác thành lập một tổ chức có tên gọi là *Chấn hưng Phật giáo* với mục đích lập Phật học đường, nhằm giáo dục tăng đồ và Phật học thư xã tàng trữ kinh sách phục vụ cho hoạt động nghiên cứu. Do không xin được giấy phép của chính quyền thuộc địa nên tổ chức này chưa thể đi vào hoạt động. Năm 1929, các vị hòa thượng nói trên cùng Hòa thượng Trí Thiên ở chùa Tam Bảo (Rạch Giá) thành lập Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học, nhưng vẫn chưa xin được giấy phép hoạt động. Thời gian này, Hòa thượng Khánh Hòa có xuất bản tập san Phật học bằng Quốc ngữ lấy tên là Pháp Âm, số đầu ra ngày 13/8/1929. Do sự cấm đoán của chính quyền thuộc địa nên tờ báo này bị đình bản ngay số đầu tiên. Tiếp đến, Hòa thượng Thiện Chiếu đứng ra vận động xuất bản tập san khác lấy tên là Phật hóa Tân Thanh niên, tòa soạn đặt tại chùa Chúc Thọ, xóm Thuốc, Gò Vấp. Nội dung tập san này hướng đến tầng lớp cư sĩ trí thức và tăng sĩ trẻ. Theo Hòa thượng Thiện Chiếu, tăng ni tại thời điểm đó cần phải được trang bị một cách đầy đủ cả về trình độ Phật học cũng như những trải nghiệm từ thực tế xã hội (thế học). Có đủ những kiến thức cơ bản như vậy mới đảm bảo được sứ mệnh hoằng pháp, mới hướng dẫn và lãnh đạo được quần chúng Phật tử chấn hưng Đạo pháp. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhất là chưa nhận được sự chấp thuận của chính quyền đương thời, nên công tác vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam chưa mang lại được những kết quả như mong đợi.

Đến cuối năm 1929, khi mà quá trình vận động hợp nhất Phật giáo thông qua các chương trình chấn hưng đạo Pháp dường như chững lại thì một hướng đi mới lại mở ra cho Phật giáo Việt Nam. Đó là từ sau những năm 1930, các hội đoàn Phật giáo với quy mô khác nhau được hình thành trên khắp cả nước, chính thức mở đầu cho quá trình chấn hưng Phật giáo Việt Nam.

2. Sự hình thành các tổ chức Phật giáo trong phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam trước năm 1945

Từ năm 1930, những biến chuyển của tình hình trong nước cũng như sự thay đổi trong chính sách của chính quyền thuộc địa về tôn giáo đã tạo điều kiện cho phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam hình thành. Tổ chức Phật giáo đầu tiên được thành lập trong giai đoạn này là ở Miền Nam. Ngày 26/8/1931, Thống đốc Nam Kỳ Khrautheimer phê chuẩn Nghị định số 2062 chính thức công nhận tính chất pháp lý của Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học⁷ (Association pour l'etude et la conservation du Bouddhisme en Cochinchine), đồng thời thông qua bản điều lệ gồm 19 điều và bản quy tắc 51 điều. Cơ cấu tổ chức ban đầu của Hội bao gồm: Ban hội viên danh dự với các thành viên như Thống đốc Nam Kỳ Khrautheimer (Hội trưởng Danh dự), Đốc lý Thành phố Sài Gòn Rivoal (Hội phó Danh dự), bà Karpeès - Trưởng phòng Khảo cứu Phật giáo Lào và Campuchia, ông Robert - Đốc học Đông Pháp Trung Pháp học đường và bà Lê Thị Ngòi; Ban Trị sự do Hòa thượng Lê Khánh Hòa làm Hội trưởng, Hội phó là cụ Trần Nguyên Chấn và Hòa thượng Từ Phong; Cố vấn là Hòa thượng Huệ Quang cùng Cư sĩ Nguyễn Văn Nhơn; Thủ quỹ là Phạm Ngọc Vĩnh và Từ hàn (thư ký) Lê Văn Phở. Mục đích của Hội là: “Lo sự sùng thượng Phật giáo tại chùa Linh Sơn. Lo sự tu bổ và hành động của ngôi tháp Bảo Phương, ngôi Duyệt kinh thất và mua kinh sách bằng chữ Langsa và chữ Hán trữ trong tháp Bảo Phương. Lo sự dịch ra chữ Quốc âm những kinh sách chữ Hán,... đặng cho người bản quốc đặng tường đạo lý. Lo lập tại chùa ấy một ngôi Thích học đường để dạy tăng đồ học đạo và lo tu bổ cách hành động ấy”⁸. Hội viên của Hội được chia thành hội viên danh dự, tán trợ, sáng lập và thường trợ. Đến năm 1933, nhằm tạo điều kiện cho những người mến đạo nhưng không đủ tiền đóng góp hội phí, đồng thời nhằm để có đủ kinh phí cho quá trình vận hành, Hội Nam Kỳ đệ trình đơn đề nghị cho phép kết nạp thêm một hạng hội viên mới là thường hộ và được Thống đốc Nam Kỳ Khrautheimer phê chuẩn theo Nghị định số 372⁹. Ngày 31/4/1931, tạp chí Từ Bi Âm - cơ quan ngôn luận của Hội, được Toàn quyền Đông Pháp cấp giấy phép hoạt động, số ra đầu tiên vào ngày 01/01/1932 và đình bản vào năm 1945 (tờ báo này do Phạm Ngọc Vĩnh xin giấy phép, sau đó giao lại cho Hội). Chủ nhiệm tòa soạn là Hòa thượng Khánh Hòa, chủ bút là Hòa thượng Bích Liên, phó chủ bút là Hòa thượng Liên Tôn. Tòa soạn đặt tại chùa Linh Sơn, 149 đường Douaumont (nay là đường Cô Giang, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh). Mục đích của Từ Bi Âm là

“đem đạo lý của nhà Phật bày giải ra bằng chữ Quốc văn để hầu phổ thông cho khắp mọi người được hiểu rõ”¹⁰.

Cũng trong thời gian này, ngày 18/3/1932, Thống đốc Nam Kỳ phê chuẩn nghị định cho phép thành lập Hội Phật giáo Liên hữu tại chùa Bình An, Long Xuyên (Association muluelle des Bouddistes de la pronince de Long Xuyen).

Năm 1933, do không tán thành với chủ trương của Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học nên Hòa thượng Khánh Hòa cùng với các chư vị Huệ Quang, Khánh An, Pháp Hải, Viên Giác,... thành lập Liên đoàn Học xã tại chùa Viên Giác (Bến Tre). Mục đích chính là đào tạo tăng tài theo hình thức cứ mỗi chùa sẽ hỗ trợ chi phí trong vòng 3 tháng liên tiếp cho các buổi thuyết pháp và dạy học. Chương trình được bắt đầu từ tháng 3 đến tháng 6 tại chùa Long Hòa (Vĩnh Long), tiếp theo là chùa Thiên Phước (Trà Vinh) và cuối cùng là chùa Viên Giác (Bến Tre) thì tan rã bởi khó khăn về tài chính và sự cản trở của một số cá nhân đương thời. Theo các nhà sáng lập Liên đoàn Học xã, nguyên nhân chính là do ông Trần Nguyên Chấn - Phó Hội trưởng Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học không tán thành cách thức hoạt động của Hội nên có đơn gửi chính quyền đương thời. Mặc dù chính quyền thuộc địa vẫn cho phép hoạt động, nhưng các chùa đã tham gia ký tên tán thành trước đây đều từ chối vì cho rằng: “Tồn của lo Phật sự mà bị ông Chấn đầu cáo này nọ,... thành thử nửa chừng phải giải tán”¹¹.

Ngày 11/6/1934, Thống đốc Nam Kỳ phê chuẩn Nghị định số 2335 cho phép thành lập Hội Phật giáo Tương Tế và thông qua bản quy tắc, điều lệ¹². Tuy nhiên, do khó khăn về mặt tài chính nên mãi đến năm 1936, Hội mới chính thức đi vào hoạt động bằng việc thành lập Phật học đường và xuất bản tạp chí. Trụ sở của Hội đặt tại chùa Thiên Phước, Sóc Trăng, Hòa thượng Lê Phước Chí làm Hội trưởng, Hòa thượng Thích Từ Phong được suy tôn làm Tông lâm Pháp chủ, Hòa thượng Nguyễn Chánh Tâm làm Chứng minh đạo sư. Hội trưởng Danh dự là M. J. Parisot - Chủ tịch tỉnh Sóc Trăng; Phó Hội trưởng Danh dự là Phan Văn Chương - Chủ quận Kế Sách. Mục đích của Hội là: “Nguyện đem hết cái năng lực mà tuyên truyền chủ nghĩa của Phật giáo, cho xứng với thời cơ, được hiệp với chân lý, cho chư quý vị thiện tín rõ được cái lý thuyết trong Tam tạng giáo hải của Phật tổ di truyền hầu một ngày kia đặng chứng được chỗ nhứt chơn pháp giới”¹³. Đầu năm 1936, Hội được Toàn quyền Đông Dương cho phép xuất

bản tạp chí Bồ Đề, tòa soạn đặt tại chùa Thiên Phước. Chủ nhiệm tòa soạn là Lê Phước Chí, Quản lý là Trần Phong Ngân. Tôn chỉ của tạp chí là “để phổ thông chánh giáo và bảo tồn trường Phật học”¹⁴.

Tiếp đến, ngày 13/8/1934, Hội Lương Xuyên Phật học (Association Bouddhique Luong - Xuyen - Phat - hoc) được được Thống đốc Nam Kỳ Pagès¹⁵ phê chuẩn thành lập theo Nghị định số 2286, tại chùa Long Phước, Trà Vinh. Mục đích của Hội là: “Một mặt lo đào tạo nhân tài để trùng hưng Phật pháp, về phương diện hoàng pháp lợi sanh, một mặt đồng tu tập cho tinh tấn đoàn thể tăng già và nghiên cứu nghĩa lý màu nhiệm trong kinh tạng, phô diễn ra chữ Quốc âm để làm món tâm được mà công hiến cho nhân sinh”¹⁶. Cơ cấu tổ chức của Hội gồm:

Ban quản lý:

- Hội trưởng: Lê Văn Xuyên (pháp danh An Lạc),
- Hội phó: Phạm Văn Liêu,
- Thủ quỹ: Thái Phước cùng 1 phó thủ quỹ,
- Thư ký: Phạm Văn Luông cùng 1 phó thư ký,
- Pháp sư học đường: Võ Khánh An,
- Đốc học sư: Lê Khánh Hòa, và một hay nhiều giáo thọ,
- 02 kiểm soát: Nguyễn Văn Khỏe, Sơn Sau¹⁷.

Ban chỉ huy:

- Chánh tổng lý: Nguyễn Huệ Quang,
- Phó tổng lý: Lê Diệu Pháp,
- Cố vấn trông nom, xem xét công việc hành chính: Lê Tâm Quang.

Ban danh dự:

- Hội trưởng: Robert Dufour - Chủ tịch hạt Trà Vinh,
- Hội phó Danh dự, và các hạng hội viên như: sáng lập, trường trợ, thi ân, tán trợ.
- Chứng minh Đạo sư: Hòa thượng Từ Phong ở chùa Giác Hải (Chợ Lớn).

Năm 1936, Hội thành lập thêm một ban mới là Ban Giáo dục do Hòa thượng Từ Phong làm Đại đạo sư và Hòa thượng Lê Khánh Hòa làm Đại pháp sư.

Điều lệ của Hội được xây dựng dựa trên 17 điều quy định về tên gọi, vai trò, vị trí của Hội; xác định tài sản, cách thức nhập Hội, xin rời khỏi Hội hoặc bị trục xuất; cách thức và thời gian đại hội (tháng Giêng và tháng Bảy), cách giải tán Hội. Bản quy tắc được xây dựng thành 5 chương với 19 điều. Nội dung chủ yếu là xác định các công việc chung của Hội như: vị trí chùa hội quán, tôn chỉ của Hội (điều 1, 2); quy định gia nhập Hội là từ 21 tuổi trở lên và phải được 2 hội viên trong Hội giới thiệu (điều 3); bổn phận và trách nhiệm của các bên tham gia (điều 6)...¹⁸.

Ngày 05/7/1935, Toàn quyền Đông Dương René Robin ký Nghị định số N604-S cho phép Hội Lương Xuyên xuất bản tạp chí Duy tâm Phật học, mỗi tháng ra 4 kỳ, số đầu tiên được ấn hành vào ngày 01/10/1935¹⁹ và đình bản vào ngày 6/7/1943 ở số kép 53-54. Tôn chỉ của tạp chí nhằm “đem giáo lý cao thượng của Phật đà mà bày tỏ cho những người học Phật biết được cái mục đích học Phật của mình. Duy Tâm ra đời để cứu rỗi cái đời đảo điên thống khổ, cái tri thức lu lờ, sửa đổi hết thảy những phong tục xấu xa, kiêu chánh các điều thành kiến dờ dang của xã hội, mưu sao cho nhân loại yên vui, cõi đời bình tĩnh, từ chốn quê mùa đến nơi khai hóa được biết đến giáo lý huyền diệu cao siêu của Phật pháp”²⁰.

Ngày 19/10/1934, Hội Thiên Thai Thiên giáo tông Liên hữu được chính quyền thuộc địa cho phép thành lập tại Bà Rịa. Hòa thượng Huệ Đăng chùa Thiên Thai được bầu làm Chứng minh Đạo sư; Đốc phủ Gò Công là Nguyễn Văn Hải giữ chức Hội trưởng Danh dự. Ban Trị sự của Hội gồm 11 người, gồm: Hội trưởng Phạm Hữu Đức; Hội phó Thái Văn Chánh và Bùi Sơn Tây; Thủ quỹ Đỗ Phước Tâm; Từ hàn Đặng Tấn Chức; Cố vấn Trương Văn Tý, Trần Văn Liêng, Phùng Văn Phương. Mục đích của Hội là: “Làm cho các hội viên học kinh, luật, luận đạo Phật bởi nhờ lập kho sách học Phật, lập trường dạy học và diễn thuyết có kỳ thời. Cứu giúp những người cùng khổ tùy theo sức của Hội. Tế trợ những người trong Hội trong các cuộc hoan hôn tang tế”²¹. Ngoài ra, Hội còn quy định không được bàn định chuyện quốc sự, về các tôn giáo khác hoặc những việc không đúng với mục đích của Hội. Hội viên của Hội bao gồm: hội viên danh dự, ân nghĩa, sáng tạo và thường trợ. Ngày 30/12/1935, tạp chí Bát Nhã Âm được Toàn quyền Đông Dương cấp giấy phép xuất bản và số đầu tiên phát hành vào ngày 15/3/1936. Sau khi ấn hành được 3 số thì tạp chí bị chững lại (5/1936) và từ năm 1937 đến 1943, mỗi năm Hội có xuất bản thêm một vài số, nhưng sau đó thì đình

bản hoàn toàn. Tòa soạn đặt tại chùa Thiên Bửu, chủ nhiệm là Hòa thượng Minh Chánh (Đỗ Phước Tâm).

Ngày 9/11/1932, Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học được Đốc lý Khâm sứ Legros cho phép thành lập chi hội tại Nam Vang theo Nghị định số 307, Hòa thượng Nguyễn Phát Phước làm Chi Hội trưởng và trụ sở đóng tại chùa Kim Chương²². Sự ra đời của chi nhánh này là tiền đề để năm 1934, Hội Phật học Cao Miên được thành lập tại chùa Thanh Quang - Phnompenh, do ông Trần Văn Phép làm Hội trưởng; Khâm sứ Silvestre và Richard làm Hội trưởng Danh dự. Mục đích của Hội là “Học hỏi cho biết rồi do sự hiểu biết theo sức lại nhờ các bậc Đại đức giúp đỡ mà diễn dịch lần hồi hăng ước ao cho ánh sáng của Phật pháp chói rọi khắp thế gian”²³. Ngày 23/9/1937, Toàn quyền Đông Dương ký nghị định cho phép xuất bản tạp chí Ánh sáng Phật pháp, tòa soạn đặt tại Sùng Phước Tự, quản lý là Đinh Văn Khương, số đầu tiên ra mắt vào ngày 01/01/1938. Tôn chỉ của Tạp chí nhằm chỉ hướng theo gương từ bi, hỷ xả của Đức Phật, độ người bất phân tôn ti thượng hạ, không chia giai cấp xã hội, không bênh mình bỏ người, cũng chẳng nói bôn ban hay ngoại quốc, chỉ biết chúng sanh là quyến thuộc để mong cầu độ tận là được thỏa mãn. Mục đích là “đem cái giáo lý của đấng Chí tôn mà phơi bày cho các nhà học Phật, xướng minh cái chánh pháp để cải chánh những chỗ sai lầm, chỉ mong nhân loại quần sanh mau khỏi khổ,... từ chốn thôn quê đến miền thị tứ cho được thấu lý vô thường pháp mầu của Phật”²⁴.

Cũng trong năm 1934, Hội Tĩnh độ Cư sĩ được thành lập tại chùa Hưng Long (Sài Gòn). Đúng như tên gọi của nó, tổ chức này do thành phần cư sĩ giữ vai trò nòng cốt và suy tôn Hòa thượng Minh Trí làm Tông sư. Hội Tĩnh độ Cư sĩ chủ trương Phật giáo nhập thế, phước huệ song tu, sử dụng y thuật làm phương tiện cứu nhân độ thế, do đó, mọi tín đồ đều cần phải biết về Đông y và cách sử dụng thuốc nam. Tháng 01/1937, tờ Pháp Âm Phật học xin được giấy phép ấn hành. Tuy nhiên, do khó khăn về tài chính và thiếu độc giả ủng hộ nên bị đình bản vào tháng 9/1938, phát hành được 16 số. Trong những số đầu tiên, Pháp Âm Phật học nêu cao tinh thần chấn hưng Phật giáo và lên án chiến tranh gieo rắc đau thương cho con người. Tuy nhiên, do tán đồng quan điểm với tạp chí Tiến Hóa là “phải hủy bỏ hình thức đầu tròn áo vuông của tăng sĩ, thiết lập tân tăng như Nhật Bản, tham gia vào cách mạng xã hội”²⁵ nên vấp phải sự phản đối mạnh mẽ của đông đảo tăng ni, Phật tử đương thời.

Và đây cũng chính là một trong những nguyên do khiến Hội Tĩnh độ Cư sĩ tan rã.

Ngày 19/7/1935, Hội Thiên Thai Thiên giáo tông được Thống đốc Nam Kỳ phê chuẩn Nghị định số 2466 cho phép thành lập²⁶. Hòa thượng Huệ Đăng chùa Thiên Thai được bầu làm Đại Chứng minh; Hòa thượng Pháp Hỷ chùa Bửu Sơn, Hòa thượng Minh Chiếu chùa Long Quang và Hòa thượng Pháp Trí chùa Phước Lập được bầu làm Chứng minh. Chiếu theo điều lệ thứ 10 của Hội, Ban Trị sự gồm: Phạm Hữu Đức - Giám đốc học hồi hưu giữ chức Hội trưởng; Thái Văn Chánh - Ngũ đẳng Bắc đầu bội tinh làm Phó Hội trưởng thứ nhất và Bùi Sơn Tây giữ chức Phó Hội trưởng thứ hai; Thư ký là Phan Văn Sơ - Chánh quản hồi hưu và Phó Thư ký Lê Văn Huệ; Cố vấn Nguyễn Văn Dũng, Trần Văn Tý, Trần Văn Liên, Nguyễn Văn Nguru. Năm 1935, Hội được phép xuất bản tạp chí Niết Bàn. Mục đích của Hội là: “Lập thích học đường; Tạo pháp bửu tạng; Vân tập các thích tử tu họ; Rước thầy giảng kinh Phật và dạy sách Nho; Mỗi kỳ thuyết pháp và ban bố cho hội viên; Cát nhà cô độc nuôi những kẻ côi quạnh bệnh già”²⁷.

Theo công văn số 61-C của Thống đốc Nam Kỳ, đến ngày 16/7/1935 tại Miền Nam có các tổ chức giáo hội được công nhận tính chất pháp lý là: Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học đăng ký tại Chùa Linh Sơn, Sài Gòn; Tĩnh độ Cư sĩ Phật hội tại chùa Hưng Long, Chợ Lớn; Lương Xuyên Phật học Hội tại chùa Long Phước, Trà Vinh; Long Xuyên Phật giáo Lương Hữu hội tại chùa Bình An Tự, Long Xuyên; Hội Phật học Tương Tế tại chùa Thiên Phước, Sóc Trăng; Thiên Thai Thiên giáo tông Liên hữu Hội tại chùa Phước An, Bà Rịa...²⁸.

Thành lập muộn nhất tại Miền Nam là Hội Phật học Kiềm Tế (Association Bouddhique et de Bienfaisance de Rachgia) được Thống đốc Nam Kỳ Pagès phê chuẩn thành lập theo Nghị định số 1068, ngày 23/3/1937, kèm theo 24 điều lệ và 37 điều quy tắc tại chùa Tam Bảo - Rạch Giá. Mục đích của Hội là “cốt để tuyên truyền Phật pháp và bố thí áo com, sách vở, thuốc thang cho trẻ cô bần”²⁹. Cơ cấu tổ chức của Hội được chia làm hai ban:

Ban chỉ huy gồm: 1 Chánh Tổng lý, 1 Phó Tổng lý, 1 Pháp sư (3 người này phải là người trong sa môn); 2 Giảng sư, 2 Giáo sư, 1 Thư ký, 1 Kiểm soát viên, 1 Cố vấn viên (có thể là cư sĩ hoặc là sa môn).

Ban trị sự gồm: Hội trưởng Đỗ Kiệt Triệu từng là Đốc phủ sứ, Hội phó Tôn Quang Huy, Trần Duy Thơ; Chánh Từ hàn Nguyễn Đăng Huệ, Phó Từ hàn Nguyễn Văn Lư; Thủ quỹ Huỳnh Văn Yên và Phó Thủ quỹ Tôn Quang Ngọc; Kiểm soát viên Lâm Võ Dụ và Nguyễn Ngọc Thái; Cố vấn Nguyễn Hữu Thành, Nguyễn Ân Linh, Lâm Thành Mão, Huỳnh Văn Cường. Hội viên của hội được chia làm: 1 chánh hội trưởng danh dự giao cho quan chủ tịch tỉnh, nhiều hội phó danh dự, hội viên danh dự, sáng lập, tán trợ và thường trợ.

Đầu năm 1938, tạp chí Tiến Hóa - cơ quan ngôn luận của Hội, cũng được cấp giấy phép hoạt động và cho ra mắt số đầu tiên. Chủ bút là Phan Thanh Hà, chủ nhiệm tòa soạn là Đỗ Kiệt Triệu, Thiên sư Thiện Chiếu làm cố vấn. Mục đích ra đời của Tiến Hóa là để tuyên bố cho độc giả biết rằng tờ báo không những đã, đang và sẽ “tuyên truyền” cho nền giáo lý Phật học mà còn “tuyên truyền” cho “bất cứ học thuyết nào có đủ phương pháp làm chúng sanh hết khổ được vui”. Những học thuyết nào có tính cách từ bi, lợi lạc tha nhân thì đều được Tiến Hóa công nhận là “Phật pháp”. Đến năm 1941, các nhân vật chủ chốt của Hội như: “Hòa thượng Thích Trí Thiên, Thành Đạo, một số cư sĩ trong ban biên tập và cây bút chủ lực là sư Thiện Chiếu bị bắt và cầm tù vì tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ nên Hội Phật học Kiên Tế bị tan rã”³⁰ và tạp chí Tiến Hóa cũng do vậy mà bị đình bản.

Tại Miền Trung, Hội An Nam Phật học (Société d'Etude et d'Exercice de la Religion Bouddhique) được Khâm sứ Trung Kỳ Yves Charles Châtel ký Nghị định số 2691 ngày 17/9/1932 cho phép thành lập kèm theo bản điều lệ gồm 34 điều và 11 điều quy tắc³¹ (sau này là Hội Việt Nam Phật giáo và bản điều lệ của Hội được Chính phủ Việt Nam thông qua vào ngày 23/6/1946). Mục đích ban đầu của Hội là: “Mỗi tháng đến ngày mùng một và rằm thiết lễ, lễ Phật và thỉnh thầy giảng đạo để cho các hội viên đồng học, đồng tu; Cốt để giúp thiện nam và tín nữ được hiểu rõ chánh giáo của Phật”³². Hội viên của Hội bao gồm: hội viên sáng lập, ân nghĩa, tán trợ, vĩnh viễn và thường trợ. Ban Chứng minh của Hội gồm Hòa thượng Phước Huệ - Tăng cang chùa Thập Tháp (Bình Định) và chư vị hòa thượng ở Huế như: Huệ Giác chùa Thiên Mục, Giác Tiên chùa Diệu Đế, Giác Nhiên chùa Thúy Ba (có người gọi là Túy Ba), Tịnh Hạnh chùa Tường Vân. Ban Trị sự của hội gồm: Lê Đình Thám làm Hội trưởng, Lê Quang Thiết - Phó Hội trưởng, Thư ký - Hoàng Xuân Ba, Thủ

quỹ - Trương Xương, Kiểm soát - Lê Thanh Cảnh, Lê Quang Túc, Tôn Thất Tùng... Hội viên Danh dự là Hoàng đế Bảo Đại cùng Tam tôn cung và Khâm sứ Trung Kỳ. Đến ngày 30/5/1933, Nguyệt san Viên Âm được Toàn quyền Pháp cho phép xuất bản theo Nghị định số 2009/P3 với điều kiện: “Nội dung Viên Âm chỉ giảng giải các giáo lý của Phật giáo ra chữ Quốc ngữ”³³. Tòa soạn đặt tại số 13, đường Champeau (nay là đường Hà Nội), Thành phố Huế. Số đầu tiên ra mắt vào ngày 01/12/1933 và bị chững lại ở số 78 vào tháng 8/1945. Đến đầu năm 1947, Viên Âm (tục bản) tiếp tục được ấn hành và tồn tại đến năm 1954 thì đình bản hoàn toàn, xuất bản được 129 số. Về tôn chỉ, Nguyệt san Viên Âm số ra đầu tiên ra ngày 01/12/1933, mục Như thị pháp đã nêu như sau: “Phật học Nguyệt san ở Huế xuất bản, nêu hai chữ Viên Âm làm tôn chỉ, còn ba tạng kinh điển làm tài liệu cho ngôn luận nội dung; nhất thiết bình luận, giảng giải thi văn trong Nguyệt san đều theo ý nghĩa chơn chánh hai chữ Viên Âm mà tuyên dương Phật pháp cho thích hợp với đời, bỏ ích cho đời, thề không đem lời hung ác, nói việc hoang đàng, đi hại về sau, mang lấy điều tội lỗi”³⁴. Ban biên tập gồm hai chứng minh đạo sư là Thiền sư Giác Tiên trụ trì chùa Diệu Đế và Thiền sư Giác Nhiên trụ trì chùa Thuyết Ba (Huế). Về phía cư sĩ có sự tham gia của Hội trưởng Hội An Nam Phật học là Tâm Minh Lê Đình Thám. Ngoài ra, còn có hai họa sĩ vẽ hình Phật và phong cảnh đầu đề mục cho tạp chí là họa sĩ Phi Hùng và Nguyễn Khoa Toàn.

Hội Phật học Đà Thành (Đà Nẵng) được phép thành lập theo Nghị định số 1057 ngày 14/5/1935 của Khâm sứ Trung Kỳ Maurice Fernand Graffeuil. Hội quán đóng tại chùa Phổ Thiên, đường Đỗ Hữu Vị. Mục đích ra đời của Hội nhằm: “Mở trường Phật học đào tạo nhân tài, ra báo chí lưu thông Phật giáo, không để tăng giới suy sụp, quyết định phò khôi Bắc - Nam lên đoàn để bảo tồn Tăng bảo... Chính đốn quy củ trong các sơn môn, bảo cho những người thô bị phải trừ bỏ các phép tịnh tậ đã tập nhiễm bấy lâu nay, kẻ tuổi lớn thì lo giữ tu hành, tuổi trẻ thời cố gắng học hỏi, chung nhau một lòng, một sức xuất gia”³⁵. Về cơ cấu tổ chức: Hội Đà Thành Phật học được chia thành 2 ban chính. Ban chứng minh gồm các Hòa thượng: Huệ Giác trụ trì chùa Quảng Tế, Tâm Khoan trụ trì chùa Báo Quốc, Huệ Minh trụ trì chùa Từ Hiếu, Huệ Đường trụ trì chùa Hải Đức và Pháp sư Giác Viên (Huế); Đại sư Minh Lung, Trần Văn Hoán (Nghệ An); Đại sư Mặc Túc, Viên Hải (Thanh Hóa); Hòa thượng Chí Bảo, Viên Minh, Chí Thạnh, Chánh Nhơn, Chí Mẫn, Cao Minh, (Bình

Định); Hòa thượng Pháp Ngữ (Phú Yên); Hòa thượng Thiện Quang, Phước Huệ (Khánh Hòa); Hòa thượng Huệ Đạo (Ninh Thuận); Hòa thượng Hoàng Thạch, Diệu Quang (Quảng Ngãi). Ban Hộ niệm của Hội đã mời các vị hòa thượng khắp Miền Trung tham dự. Cụ thể: Thanh Hóa có Hòa thượng Thanh Tuyên, Thanh Vinh; Nghệ An có Trần Thanh Duyên, Phạm Thanh Tư; Hà Tĩnh có Thanh Liên; Quảng Bình có chư vị Tứ Thông, Tứ Ý, Tứ Trí, Nhật Chấn; Quảng Trị có Giác Thổ, Từ Nhơn; Huế có Phổ Tịnh, Đắc Quang, Hưng Nghĩa, Giác Hải, Hưng Chánh, Quảng Tu...; Quảng Ngãi có Trí Hưng, Diệu Nguyên, Huệ Hải; Bình Định có Hoàng Thông, Huệ Chiếu; Phú Yên có Nguyên Quế, Từ Pháp; Khánh Hòa có Tín Thành, Chơn Nguyên, Quảng Đức, Bảo Liên, Phổ Hiện...; Ninh Thuận có Bảo Hiền, Trí Thắng; Bình Thuận có Phước Quang, Phước Nhân...³⁶. Ban sáng lập của hội gồm: Sa môn Lê Tích, trụ trì chùa Linh Ứng; Dương Văn Minh, trụ trì chùa Phổ Thiên; Phạm Như Hữu, trụ trì chùa Vu Lang.

Ngày 15/01/1937, Tạp chí Tam Bảo được Khâm sứ Trung Kỳ cho phép ấn hành số đầu tiên, tòa soạn đặt tại số 59, đường Marc Pourpe (nay là đường Phan Châu Trinh). Chủ bút là Hòa thượng Trí Hải (chùa Bích Liên, Bình Định); Chủ nhiệm tòa soạn là Trần Văn Uyển và Quản lý tòa soạn là Trần Tư. Nội dung chính của tạp chí tập trung vào các mục sau: Khảo cứu các vấn đề về Phật giáo (về quá trình vận động chấn hưng, về lịch sử Phật giáo), Vấn đáp, Kinh điển âm và Kinh điển nghĩa, Truyện cao tăng nước ta, Nhân đàm và Văn uyển. Đến năm 1938, tạp chí đình bản ở số thứ 8 vì thiếu tài chính và khan hiếm bài vở.

Tại Miền Bắc, ngày 06/11/1934, Thống sứ Bắc Kỳ Auguste Tholance ký Nghị định số 4283 cho phép thành lập Hội Phật giáo Bắc Kỳ, hội quán đặt tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Hội trưởng Danh dự là Robin - Toàn quyền Đông Pháp; Thống sứ A. Tholance và Tổng đốc Hà Đông là Hoàng Trọng Phu; Hội trưởng Nguyễn Năng Quốc, Hội phó Nguyễn Văn Ngọc - Đốc học Hà Đông và Nguyễn Quốc Thành - Tham tá Thương chánh; Thủ quỹ Phạm Mạnh Xứng; Thư ký Trần Văn Phúc; Giám sát Trần Văn Giác. Hội đã suy tôn Hòa thượng Thanh Hanh - tổ sư chùa Vĩnh Nghiêm làm Thuyền gia Pháp chủ. Hội viên của Hội bao gồm: hội viên danh dự, tán trợ, vĩnh viễn, chủ trì, thiện tín. Mục đích chính mà Hội Phật giáo Bắc Kỳ nêu ra là: “Cốt khuyên rủ nhau, đóc trách nhau hiểu đạo Phật cho rành, làm đạo Phật cho đúng để tự độ mà độ người”³⁷. Ngày

10/12/1934, tuần báo Đuốc Tuệ cũng được chính quyền thuộc địa cho phép xuất bản. Chủ nhiệm tòa soạn: Nguyễn Năng Quốc, Chủ bút: Phan Trung Thứ, Phó chủ bút: Dương Văn Hiến. Ban biên tập gồm: Trần Trọng Kim - Trưởng ban biên tập; Cư sĩ Nguyễn Trọng Thuật làm thư ký tòa soạn cùng sự cộng tác của các cư sĩ: Dương Bá Trạc, Bùi Kỳ, Trần Văn Giáp, Nguyễn Can Mộng,... và chư vị: Thái Hòa, Tô Liên, Trí Hải... Trụ sở báo đặt tại chùa Quán Sứ, số 73, phố Richaud (sau 09/3/1945 đổi tên là phố Quán Sứ), Hà Nội và đến ngày 15/8/1945, Đuốc Tuệ bị đình bản ở số báo cuối cùng là số ghép 257-258.

Ngày 31/01/1935, Hội Phật giáo Bắc Kỳ Cổ sơn môn được Toàn quyền Robin cho phép thành lập theo Nghị định số 649. Mục đích của Hội là “bảo tồn cổ Phật giáo nước Nam này, theo đuổi một công việc làm cho hết thảy tín đồ Phật giáo ở Bắc Kỳ sẽ được như các bạn đồng bào đạo hữu ở trong Nam. Làm cho tầng già Tùng Lâm trở nên giá trị”³⁸. Hội đồng danh dự sáng lập gồm: Toàn quyền Robin, Thống sứ Tholance, Khâm sứ Trung Kỳ M. Graffeuil, Đốc lý Hà Nội Virgitti, Tổng lý đại thần Phạm Quỳnh, Đốc học Trường Viễn Đông bác cổ Georges Coedès. Hội đồng danh dự cố vấn gồm: Tri huyện Nguyễn Mạnh Hường, Tham tá Đỗ Đình Đắc, Đại thương Trần Đình Phụng... Ngày 15/6/1935, tạp chí Tiếng Chuông Sớm - cơ quan ngôn luận của Hội, chính thức cho ra mắt số đầu tiên. Chủ nhiệm tòa soạn là Tăng cang Đỗ Văn Hỷ, Chủ bút Bùi Xuân Dục, Phó chủ bút Nguyễn Quang Độ, Trị sự và Biên tập Nguyễn Văn Yên, Nguyễn Duy Tiến. Mục đích của Tiếng Chuông Sớm là “tuyên truyền chấn hưng đạo Phật, cổ động sự lập tòa dịch kinh ra chữ Quốc ngữ, dựng Phật học đường, dựng nhà hộ sinh, nhà dục anh, nhà nuôi dưỡng người tàn tật, liên lạc các sơn môn lại làm các việc từ thiện theo thời đại mới”³⁹.

3. Kết luận

Như vậy, đến trước năm 1945, tại Việt Nam đã hình thành nhiều hội Phật giáo với quy mô khác nhau. Về cơ bản, các hội Phật giáo đương thời đều hướng đến mục tiêu là cải tổ đường lối tu tập và cách thức sinh hoạt của tầng già, đổi mới phương thức giáo dục và đào tạo tăng ni sinh, ra báo chí nhằm hậu thuẫn cho hoạt động hoàng dương chính pháp, Việt hóa kinh điển nhằm phục vụ cho hoạt động tu tập và nghiên cứu... Đặc biệt trong bản điều lệ thành lập, các hội đoàn Phật giáo đương thời đều xây dựng theo một motif giống nhau, bắt đầu từ việc xác định danh hiệu và hội quán của Hội, mục đích thành lập, cơ cấu tổ chức các ban, chức năng

nhiệm vụ của các ban, các dạng hội viên, cách thức nhóm họp hội đồng trong năm, tài sản của hội, cách thức gia nhập và rời hội. Tuy nhiên, sự hình thành đa dạng các hội Phật giáo cho thấy phong trào thiếu tính chặt chẽ và thống nhất trong chủ trương cũng như cách hành động. Chính vì vậy, nên đến trước năm 1945, dù đã có nhiều phương án thống nhất Phật giáo Việt Nam nhưng vẫn không mang lại kết quả.

Về khách quan, sự hình thành đa dạng các tổ chức nói trên đã góp phần khẳng định rằng, tăng ni, Phật tử cũng như các nhà trí thức đương thời luôn trăn trở trước sự thịnh suy của đạo Phật và đằng sau đó là những nhận thức sâu sắc về sự tồn vong của một tôn giáo đã gắn bó với dân tộc qua suốt chiều dài lịch sử. Đặc biệt hơn, sự hình thành các tổ chức Phật giáo này đã góp phần tạo nên những tiền đề quan trọng để sau Cách mạng tháng 8/1945, phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam tiếp tục phát triển cả về chiều sâu lẫn chiều rộng và đi đến thống nhất vào năm 1951 cũng như có những đóng góp xứng đáng đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội: 21.
- 2 Thích Phước Đạt, “Tổng quan về phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam”, <http://www.chuagiaclam.com>. Truy cập ngày 27/11/2012.
- 3 Nguyễn Đại Đồng, “Những người đầu tiên khởi xướng Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam”, <http://giacngo.vn>
- 4 Nguyễn Đại Đồng - Nguyễn Thị Minh (2008), *Phong trào chấn hưng Phật giáo (Tư liệu báo chí Việt Nam từ 1927-1938)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 18.
- 5 Lê Tâm Đắc (2012), *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924 - 1954)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội: 47.
- 6 Đầu tháng 2/1927, Hòa thượng Tâm Lai đã nâng chương trình chấn hưng từ 7 điểm thành 10 điểm là: Lập Tổng hội Phật giáo, lập Phật Gia công Học hội, lập Phật học Tu thư xã, lập Giảng đàn, lập trường học cho con cái thiện tín, lập thư viện trong các chùa, lập tủ thuốc trong các chùa, lập nhà bảo cô, lập nhà nuôi kẻ khó, dạy nữ công cho con cái thiện tín. Xem thêm: Lê Tâm Đắc (2012), *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924 - 1954)*, sđd: 50 - 60.
- 7 Thực chất để chuẩn bị cho sự ra đời của Hội, bản điều lệ của Hội đã được soạn thảo hoàn thiện và được các tăng ni, Phật tử thông qua từ ngày 28/12/1929. Do vậy, đầu năm 1930, Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học được thành lập, tuy nhiên, thời điểm này giấy phép của hội vẫn chưa được chấp thuận. Xem thêm: Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học (1932), “Điều Lệ và Quy tắc”, *Từ Bi Âm*, số 1: 42.
- 8 Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học (1932), “Điều lệ và Quy tắc”, *Từ Bi Âm*, số 1: 36.
- 9 “Sửa đổi điều lệ Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học”, *Từ Bi Âm*, số 30, 1933: 45.
- 10 Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học (1932), “Mục đích của Từ Bi Âm”, *Từ Bi Âm*, số 1: 6.

- 11 Hội Lương Xuyên Phật học (1938), “Phật giáo Tổng hội”, *Duy Tâm Phật học*, số 32: 340.
- 12 “Le Gouverneur général de l’Indochine commandeur de la légion d’Honneur”, *Bồ Đề Tạp chí*, số 2, 1936: 1.
- 13 “Đôi lời kính cáo”, *Bồ Đề Tạp chí*, số 2, 1936: 2.
- 14 “Đôi lời kính cáo”, *Bồ Đề Tạp chí*, số 2, 1936: 2.
- 15 Giai đoạn 1930 - 1945, bộ máy chính quyền thuộc địa tại Đông Dương có nhiều sự thay đổi về nhân sự. Về Toàn quyền Đông Dương có: Pasquier: 1928 - 1934; René Robin thay cho Pasquier: 1930 - 1931; Graffeuil thay cho Pasquier: 1934; René Robin: 1934 - 1936; Silvestre: 1936 - 1937,... Về Thống đốc Nam Kỳ có: Tholance: 1/1929 - 6/1929; Krautheimer: 1929 - 1934; Eutrope: 1/1929 - 3/1929 và từ 11/1931 - 11/1932; Pagès: 1934 - 1939; Rivoal thay Pagès về Pháp: 3/1936 - 10/1936; René Veber: 1939 - 1940; Rivoal: 1940 - 1942; Về Khâm sứ Trung Kỳ gồm có: Châtel: 6/1931 - 2/1933; Thibaudeau: 2/1933 - 7/1934; Graffeuil: 1934 - 1940; Grandjean: 1940 - 1944; Haelewyn: 1944 - 3/1945. Về Thống sứ Bắc Kỳ có: Tholance: 1930 - 1937; Châtel: 1937 - 1940; Grandjean: 1940 - 1941; Delsalle: 1941 - 1942; Haelewyn: 1942 - 1944; Auphelle 1944 - 1945.
- 16 Hội Lương Xuyên Phật học (1935), “Đôi lời biểu lộ”, *Duy Tâm Phật học*, số 1: 14.
- 17 Theo nội dung bản Nghị định được phép thành lập Hội do Toàn quyền Pháp ký được đăng tải trong số đầu tiên của tạp chí *Duy Tâm* thì Hội Lương Xuyên Phật học ra đời có thể nói là gắn liền với vai trò trực tiếp của Nguyễn Văn Ân, pháp danh Huệ Quang, Trà Vinh. Xem thêm: *Duy Tâm Phật học*, số 1, 1935, trang phụ bìa.
- 18 Hội Lương Xuyên Phật học (1935), “Điều lệ và Quy Tắc”, *Duy Tâm Phật học*, số 2: 96 - 108.
- 19 Hội Lương Xuyên Phật học (1935), “Đôi lời thanh minh”, *Duy Tâm Phật học*, số 1, trang phụ bìa.
- 20 Hội Lương Xuyên Phật học (1935), “Biện minh chí hướng Duy Tâm Phật học”, *Duy Tâm Phật học*, số 1: 4 - 5.
- 21 “Điều lệ Hội Phật giáo, an danh là Thiên Thai Thiền giáo tông Liên hữu Hội”, *Bát Nhã Âm*, số 21, 1941: 29.
- 22 “Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học được phép thành lập nhánh tại Nam Vang là kinh đô xứ Cao Miên”, *Từ Bi Âm*, số 25, 1933: 42 - 43.
- 23 “Bài diễn văn đọc trong lễ khánh thành Tạp chí Ánh sáng Phật pháp”, *Ánh sáng Phật pháp*, số 4, 1938: 143.
- 24 Hội Phật học Cao Miên (1938), “Ánh sáng Phật pháp chủ nghĩa”, *Ánh sáng Phật pháp*, số 1: 7 - 8.
- 25 Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, sđd.
- 26 “Thiên Thai Thiền giáo tông Liên hữu Hội gửi bài cải chính”, *Tiếng Chuông Sớm*, số 16, 1936: 45.
- 27 “Tin tức Tôn giáo”, *Tiếng Chuông sớm*, số 15, 1936: 46.
- 28 Pascal Bourdeaux (2005), *Croyances populaires et rétorsion coloniale dans le delta du Mékongn Commentaires sur la découverte d'une secte religieuse au village Hoa Hao mars - mai 1940*, In: *Aséanie*, N° 16: 124.
- 29 Hội Phật học Kiêm Tế (1937), *Điều lệ*, chùa Tam Bảo, Rạch Giá: 10.
- 30 Nguyễn Thị Thảo (2014), *Văn học và Phật học trên báo chí Phật giáo trước năm 1945*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Tp. Hồ Chí Minh: 45.

- 31 An Nam Phật học Hội (1932), *Điều lệ và Quy tắc*, in tại nhà in Đắc Lập, Huế: 6.
- 32 An Nam Phật học Hội (1932), *Điều lệ và Quy tắc*, tldd: 1.
- 33 Trần Thiều (2006), “Khái lược sự phát triển của Phật giáo Thừa Thiên - Huế giai đoạn 1930 - 1945”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4: 28.
- 34 Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm (2006), *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh: 402.
- 35 Hội Phật học Đà Thành (1937), “Bổn ý và sự hành động”, *Tam Bảo Tạp chí*, số 1: 7.
- 36 *Tam Bảo Tạp chí*, số 5, 1937: 2 - 6.
- 37 Dương Bá Trạc (1935), “Vì sao mà Hội Phật giáo Bắc Kỳ sáng lập? Vì sao mà Đuốc Tuệ ra đời?”, *Đuốc Tuệ*, số 1: 7.
- 38 TCS (1935), “Tạ lòng gọi chút: Cùng ngài Thanh Liên cư sĩ”, *Tiếng Chuông Sớm*, số 6: 8.
- 39 “Đừng phàn nàn nữa nhé”, *Tiếng Chuông Sớm*, số 12, 1935: 14.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. An Nam Phật học Hội (1932), *Điều lệ và Quy tắc*, nhà in Đắc Lập, Huế.
2. Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm (2006), *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.
3. “Bài diễn văn đọc trong lễ khánh thành Tạp chí Ánh sáng Phật pháp”, *Ánh sáng Phật pháp*, số 4, 1938, tr. 141 - 143.
4. *Duy Tâm Phật học*, số 1, 1935, trang phụ bìa.
5. Thích Phước Đạt, “Tổng quan về phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam”, <http://www.chuagiachlam.com>, truy cập ngày 27/11/2012.
6. Lê Tâm Đắc (2012), *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924-1954)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. “Điều lệ Hội Phật giáo, an danh là Thiên Thai Thiên giáo tông Liên hữu hội”, *Bát Nhã Âm*, số 21, 1941.
8. “Đôi lời kính cáo”, *Bồ Đề Tạp chí*, số 2, 1936.
9. Nguyễn Đại Đồng, “Những người đầu tiên khởi xướng phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam”, <http://giacngo.vn>.
10. Nguyễn Đại Đồng - Nguyễn Thị Minh (2008), *Phong trào chấn hưng Phật giáo (Tư liệu báo chí Việt Nam từ 1927 - 1938)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
11. “Đừng phàn nàn nữa nhé”, *Tiếng Chuông Sớm*, số 12, 1935.
12. Hội Lương Xuyên Phật học (1935), “Biện minh chí hướng Duy Tâm Phật học”, *Duy Tâm Phật học*, số 1.
13. Hội Lương Xuyên Phật học (1935), “Đôi lời biểu lộ”, *Duy Tâm Phật học*, số 1.
14. Hội Lương Xuyên Phật học (1935), “Điều lệ và Quy Tắc”, *Duy Tâm Phật học*, số 2.
15. Hội Lương Xuyên Phật học (1935), “Đôi lời thanh minh”, *Duy Tâm Phật học*, số 1.
16. Hội Lương Xuyên Phật học (1935), “Đôi lời biểu lộ”, *Duy Tâm Phật học*, số 1.
17. Hội Lương Xuyên Phật học (1938), “Phật giáo Tổng hội”, *Duy Tâm Phật học*, số 32.
18. Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học (1932), “Điều lệ và Quy tắc”, *Từ Bi Âm*, số 1.
19. Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học (1932), “Mục đích của Từ Bi Âm”, *Từ Bi Âm*, số 1.
20. “Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học được phép thành lập nhánh tại Nam Vang là kinh đô xứ Cao Miên”, *Từ Bi Âm*, số 25, 1933.
21. Hội Phật học Cao Miên (1938), “Ánh sáng Phật pháp chủ nghĩa”, *Ánh sáng Phật pháp*, số 1.

22. Hội Phật học Đà Thành (1937), “Bổn ý và sự hành động”, *Tam Bảo Tạp chí*, số 1.
23. Hội Phật học Kiên Tế (1937), *Điều lệ*, chùa Tam Bảo, Rạch Giá.
24. “Le Gouverneur général de l’Indochine commandeur de la légion d’Honneur”, *Bồ Đề Tạp chí*, số 2, 1936.
25. Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
26. Pascal Bourdeaux (2005), “Croyances populaires et rétorsion coloniale dans le delta du Mékongn Commentaires sur la découverte d’une secte religieuse au village Hoa Hao, mars - mai 1940”, *Aséanie*, N^o. 16.
27. “Sửa đổi điều lệ Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học”, *Từ Bi Âm*, số 30, 1933.
28. *Tam Bảo Tạp chí*, số 5, 1937.
29. Nguyễn Thị Thảo (2014), *Văn học và Phật học trên báo chí Phật giáo trước năm 1945*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
30. “Thiên Thai Thiên giáo tông Liên hữu Hội gửi bài cải chính”, *Tiếng Chuông Sớm*, số 16, 1936.
31. Trần Thiệu (2006), “Khái lược sự phát triển của Phật giáo Thừa Thiên - Huế giai đoạn 1930 - 1945”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4.
32. “Tin tức Tôn giáo”, *Tiếng Chuông Sớm*, số 15, 1936.
33. Dương Bá Trạc (1935), “Vì sao mà Hội Phật giáo Bắc Kỳ sáng lập? Vì sao mà Đức Tuệ ra đời?”, *Đức Tuệ*, số 1.
34. TCS (1935), “Tạ lòng gọi chút: Cùng ngài Thanh Liên cư sĩ”, *Tiếng Chuông Sớm*, số 6.

Abstract

BUDDHIST ASSOCIATIONS IN THE BUDDHIST REVIVAL MOVEMENT IN VIETNAM BEFORE 1945

In recent years, research on Vietnam Buddhist revival movement has achieved many results. In particular, the authors like Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Đại Đồng, Lê Tâm Đắc have examined the campaign as well as the birth of the Buddhist revival movement through the typical works such as “The roles and the characteristics of Vietnam Buddhism in the 20th century”, “The Buddhist revival movement in the North of Vietnam (1924 - 1954)”, “Buddhist monk Tâm Lai and the campaign of the Buddhist revival movement in Vietnam”, “The initiators of the Buddhist revival movement in Vietnam”... Basing on data from the previous research, this article continuously analysed and presented the formation of Buddhist associations in Vietnam before 1945. In addition, it also clarified the steps forward of the Buddhist revival movement in Vietnam in the first half of the 20th century.

Keywords: Association, before 1945, Buddhism, revival, Vietnam.